Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 0583/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.
Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Người ký: NGUYỄN ĐỨC SƠN
Ký ngày: 28/04/2023 12:12:54

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng - Điều chỉnh hồi tố, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo thông báo kết quả kiểm toán số 520/TB-KTNN ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Kiểm toán Nhà nước đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.D.N:0100112500-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2023-001-1

Lê Anh Sơn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1961-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**796.400.354.503**	**552.693.050.907**
I.	**Tiền**	**110**	**4**	**42.300.627.005**	**94.757.482.115**
1.	Tiền	111		42.300.627.005	94.757.482.115
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**115.804.147.095**	**103.409.902.939**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	99.489.181.249	63.723.342.462
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	85.686.161.221	109.562.163.140
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	7	25.756.839.455	25.553.255.804
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(95.128.034.830)	(95.428.858.467)
III.	**Hàng tồn kho**	**140**	**9**	**600.006.930.680**	**311.913.093.001**
1.	Hàng tồn kho	141		628.507.309.922	342.178.172.882
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.500.379.242)	(30.265.079.881)
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**38.288.649.723**	**42.612.572.852**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	19.710.864.489	31.603.925.269
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.076.061.938	10.506.924.287
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	501.723.296	501.723.296
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**3.121.965.662.933**	**3.174.916.498.621**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**8.264.169.940**	**7.598.090.197**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	7	8.264.169.940	7.598.090.197
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**2.989.306.660.475**	**2.975.514.461.936**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.979.565.732.903	2.965.419.681.137
	- Nguyên giá	*222*		*7.552.947.141.970*	*7.288.801.899.791*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(4.573.381.409.067)*	*(4.323.382.218.654)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	12	9.740.927.572	10.094.780.799
	- Nguyên giá	*228*		*12.543.005.603*	*12.453.005.603*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(2.802.078.031)*	*(2.358.224.804)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**12.556.586.122**	**84.004.707.436**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	12.556.586.122	84.004.707.436
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	14	116.190.198.618	116.190.198.618
2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14	(116.190.198.618)	(116.190.198.618)
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**111.838.246.396**	**107.799.239.052**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	103.314.367.246	99.275.359.902
2.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9	8.523.879.150	8.523.879.150
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**3.918.366.017.436**	**3.727.609.549.528**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.762.548.508.769**	**1.560.352.292.929**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.684.371.122.858**	**1.534.480.831.535**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	989.832.914.900	836.625.194.688
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	81.225.876.093	127.681.823.710
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	28.168.101.023	15.986.986.404
4.	Phải trả người lao động	314		68.412.878.968	74.161.734.248
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	76.808.045.463	14.765.509.573
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	9.821.831.937	13.037.560.693
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	419.367.125.387	445.235.624.147
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.734.349.087	6.986.398.072
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**78.177.385.911**	**25.871.461.394**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	71.008.386.901	19.800.000.000
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		7.168.999.010	6.071.461.394
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**2.155.817.508.667**	**2.167.257.256.599**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**21**	**2.155.817.508.667**	**2.167.257.256.599**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.232.098.120.000	1.232.098.120.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.232.098.120.000*	*1.232.098.120.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		57.006.601.053	57.006.601.053
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		728.041.311.370	713.584.349.985
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.671.476.244	164.568.185.561
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*47.259.209.843*	*32.890.504.148*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*91.412.266.401*	*131.677.681.413*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**3.918.366.017.436**	**3.727.609.549.528**

Phạm Thị Thu Hương	Nguyễn Đức Sơn	Nguyễn Hoành Vân
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	**Doanh thu bán hàng**	**01**	**24**	**4.288.419.129.197**	**4.330.090.558.349**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	70.101.772.312	39.308.637
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)**	**10**		**4.218.317.356.885**	**4.330.051.249.712**
4.	Giá vốn hàng bán	11	25	3.770.973.088.536	3.829.419.904.048
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)**	**20**		**447.344.268.349**	**500.631.345.664**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		47.843.524	621.828.918
7.	Chi phí tài chính	22	27	24.678.104.226	33.531.860.537
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*24.678.104.226*	*33.390.299.117*
8.	Chi phí bán hàng	25	28	167.783.519.068	161.444.544.657
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	141.889.568.019	136.290.887.191
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	**30**		**113.040.920.560**	**169.985.882.197**
11.	Thu nhập khác	31	29	5.456.331.419	12.466.444.196
12.	Chi phí khác	32	30	2.784.800.648	10.866.238.391
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**2.671.530.771**	**1.600.205.805**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**115.712.451.331**	**171.586.088.002**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	23.916.184.930	39.596.406.589
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**91.796.266.401**	**131.989.681.413**

Phạm Thị Thu Hương	Nguyễn Đức Sơn	Nguyễn Hoành Vân
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***115.712.451.331***	***171.586.088.002***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định	02	286.432.502.719	284.845.063.784
	Các khoản dự phòng	03	(967.986.660)	31.003.246.033
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.757.031.866)	-
	Chi phí lãi vay	06	24.678.104.226	33.390.299.117
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***423.098.039.750***	***520.824.696.936***
	Tăng các khoản phải thu	09	(20.329.769.692)	(27.826.508.306)
	Tăng hàng tồn kho	10	(286.329.137.040)	(1.525.044)
	Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	128.411.672.899	71.453.467.734
	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	7.854.053.436	(23.193.262.730)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(27.636.549.383)	(31.563.354.339)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.431.043.357)	(48.513.916.735)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(37.045.573.985)	(35.274.377.233)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***176.591.692.628***	***425.905.220.283***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(195.569.341.585)	(91.204.371.206)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.757.031.866	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(192.812.309.719)***	***(91.204.371.206)***
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	1.619.124.740.433	3.166.530.403.504
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.593.784.852.292)	(3.457.546.673.332)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(61.576.126.160)	(36.904.477.650)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(36.236.238.019)***	***(327.920.747.478)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(52.456.855.110)**	**6.780.101.599**
	Tiền đầu năm	**60**	**94.757.482.115**	**87.977.380.516**
	Tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	**42.300.627.005**	**94.757.482.115**

Phạm Thị Thu Hương	Nguyễn Đức Sơn	Nguyễn Hoành Vân
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này